

INDEX FUTURES

Tiên phong - Đồng hành

HƯỚNG DẪN **KHÁCH HÀNG**

03 - 06

GIỚI THIỆU **SẢN PHẨM**

08 - 19

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG **HSC WINNERTRADE**

20 - 35

HƯỚNG DẪN **ĐỌC BÁO CÁO**

36 - 41

HƯỚNG DẪN

KHÁCH HÀNG

▪ Mẫu hợp đồng tương lai chỉ số VN30	04
▪ Quy định giao dịch	04
▪ Mở tài khoản	05
▪ Nộp rút ký quỹ	05-06
▪ Giao dịch	06
▪ Yêu cầu ký quỹ	06

MẪU HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ VN30

Điều khoản	Mô tả
Tên hợp đồng	Hợp đồng tương lai chỉ số VN30
Mã hợp đồng	VN30FYYMM
Tài sản cơ sở	Chỉ số VN30
Hệ số nhân hợp đồng	100,000 đồng
Tháng đáo hạn	Tháng gần nhất, tháng kế tiếp, tháng cuối quý gần nhất, tháng cuối quý tiếp theo
Bước giá	0.1 điểm chỉ số (tương đương 10,000 đồng)
Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày thứ năm lần ba trong tháng đáo hạn
Giá thanh toán hàng ngày	Theo quy định của VSD
Giá thanh toán cuối cùng	Là giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của hợp đồng tương lai
Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng
Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền

QUY ĐỊNH GIAO DỊCH

Thời gian giao dịch	▶ Khớp lệnh định kỳ mở cửa	08:45 – 09:00
	▶ Khớp lệnh liên tục phiên sáng	09:00 – 11:30
	▶ Khớp lệnh liên tục phiên chiều	13:00 – 14:30
	▶ Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	14:30 – 14:45
	▶ Thỏa thuận	08:45 – 14:45
Biên độ giao động giá	± 7%	
Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền kề trước đó hoặc giá lý thuyết trong ngày giao dịch đầu tiên.	
Giới hạn lệnh	500 hợp đồng	
Giới hạn vị thế	Cá nhân 5,000 Hợp đồng, Tổ chức 10,000 Hợp đồng	
Phương thức giao dịch	Khớp lệnh và thỏa thuận	
Đơn vị giao dịch	1 hợp đồng	
Khối lượng giao dịch tối thiểu	1 hợp đồng	

MỞ TÀI KHOẢN TẠI HSC

Quy định mở tài khoản

- ▶ Khách hàng phải có tài khoản chứng khoán tại HSC trước khi đăng ký mở tài khoản phái sinh.
- ▶ Độ tuổi quy định đối với khách hàng cá nhân trong nước là 18 tuổi trở lên.
- ▶ Số tiền ký quỹ ban đầu tối thiểu trên tài khoản phái sinh là 15 triệu đồng, được HSC quy định từng thời kỳ
- ▶ Việc mở tài khoản phái sinh được thực hiện trực tiếp tại văn phòng, phòng giao dịch của công ty.
- ▶ Thời gian kích hoạt tài khoản phái sinh là 1 ngày làm việc kể từ khi khách hàng nộp đầy đủ số tiền duy trì tối thiểu vào tài khoản.

Hồ sơ mở tài khoản

Khách hàng cá nhân trong nước cần cung cấp

- ▶ Chứng minh nhân dân; hoặc
- ▶ Thẻ căn cước

Khách hàng tổ chức trong nước cần cung cấp

- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động, Quyết định thành lập hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương
- ▶ Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của Đại diện pháp luật
- ▶ Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của Người được ủy quyền (nếu có)

Bản sao các giấy tờ pháp lý được sao y công chứng với thời gian không quá 1 năm.

NỘP/RÚT TIỀN KÝ QUỸ TRÊN TÀI KHOẢN PHÁI SINH

Nộp tiền ký quỹ

Ngân hàng tại TP.HCM	Số tài khoản	Tên tài khoản
VIETINBANK CN TP.HCM	119.000.188.148	CTCP Chứng Khoán TP. HCM
BIDV CN NAM KỲ KHỞI NGHĨA	119.10.00.035185.4	CTCP Chứng Khoán TP. HCM
VCB CN HẢI TRIỀU	0071.0011.58967	CTCP Chứng Khoán TP. HCM

Ngân hàng tại HÀ NỘI	Số tài khoản	Tên tài khoản
TECHCOMBANK- HÀ NỘI	191.26666666.016	CN Hà Nội – CTCP Chứng Khoán TP.HCM

Nội dung chuyển tiền: **“TK 011Cxxxxxx, chủ tài khoản (ghi rõ họ tên)”**.

Rút tiền ký quỹ

- Ở bất kỳ thời điểm nào trong ngày giao dịch, khách hàng đều có thể thực hiện lệnh rút tiền trên Phần Ký Quỹ Còn Dư (Excess Equity).
- Khách hàng có thể rút tiền mặt trực tiếp tại quầy hoặc lập lệnh chuyển khoản.
- Khách hàng có thể lập lệnh chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán sang tài khoản phái sinh và ngược lại.

GIAO DỊCH

Kênh đặt lệnh

Khách hàng có thể chọn kênh giao dịch:

- Đặt lệnh trực tuyến thông qua phần mềm HSC WinnerTrade; hoặc
- Đặt lệnh thông qua nhân viên môi giới.

Đặt lệnh

Khách hàng có thể xem hướng dẫn cài đặt, đặt lệnh và các loại lệnh ở tài liệu:

Hướng dẫn sử dụng HSC WinnerTrade.

Nhận kết quả

Ngay khi đặt lệnh thành công, thông tin lệnh đặt và chi tiết khớp lệnh sẽ được cập nhật và khách hàng có thể theo dõi ở mục **Sổ lệnh** và **Sổ lệnh khớp** trên màn hình HSC WinnerTrade.

YÊU CẦU KÝ QUỸ

Nhận thông báo ký quỹ

Từ 16:30 ngày T, khách hàng nhận thông báo yêu cầu nộp bổ sung ký quỹ qua các kênh liên lạc đã được xác nhận (SMS, email), nếu tài khoản khách hàng có Số Dư Ký Quỹ thấp hơn Mức Ký Quỹ Duy Trì.

Nộp ký quỹ

Khách hàng cần nộp ký quỹ bổ sung vào tài khoản phái sinh hoặc đóng góp vị thế trước 11:30 ngày T+1. Nếu khách hàng chưa thực hiện nộp ký quỹ bổ sung, HSC sẽ tiến hành đóng góp vị thế trên tài khoản của khách hàng từ 13:00 ngày T+1.

HSC WinnerTrade

HSC WinnerTrade là một giải pháp giao dịch Phái Sinh trực tuyến với nhiều tính năng ưu việt và nâng cao trên nền tảng kênh thông tin thị trường toàn diện. Khách hàng sẽ có những trải nghiệm không giới hạn và hoàn toàn yên tâm về các quyết định mua/bán của mình. Chỉ với tài khoản Phái Sinh mở tại HSC, khách hàng có thể:



- Theo dõi thông tin thị trường (thông tin giá, thông tin độ sâu thị trường, dữ liệu giao dịch trong ngày)



- Thực hiện giao dịch, các phương thức đặt lệnh



- Xem đồ thị giá theo ngày và đồ thị quá khứ; xem xét công cụ phân tích kỹ thuật cơ bản



- Theo dõi tình trạng tài khoản



- Và nhiều tính năng hỗ trợ khác

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

Khách hàng tải phần mềm HSC WinnerTrade tại địa chỉ: <https://winnertrade.hsc.com.vn/>

HỖ TRỢ

Mọi thắc mắc liên quan đến hỗ trợ kỹ thuật và thông tin, quý khách vui lòng liên hệ:

- HCM** (+84 28) 3823 3298
HN (+84 24) 3933 4844
- support@hsc.com.vn
- www.hsc.com.vn

GIỚI THIỆU

SẢN PHẨM

▪ Hợp đồng Tương lai	9 - 12
▪ Hợp đồng Tương lai Chỉ số Cổ phiếu	13 - 15
▪ Minh họa	16 - 19

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Hợp đồng Tương lai là gì?

Hợp đồng tương lai (futures contract) là một thỏa thuận mua bán hàng hóa trong hiện tại và được giao hàng vào một ngày xác định trong tương lai.



Tài sản Cơ sở (Underlying Assets)

Tài sản cơ sở chia làm hàng hóa (commodities) và các công cụ tài chính (financial instruments), bao gồm:

- ▶ Cổ phiếu, chỉ số cổ phiếu
- ▶ Trái phiếu và công cụ lãi suất trên thị trường tiền tệ
- ▶ Ngoại tệ
- ▶ Hàng hóa nông nghiệp, kim loại, và năng lượng

Các Điều khoản của Hợp đồng

Hợp đồng tương lai chỉ được giao dịch trên sở giao dịch phái sinh, không giao dịch trên thị trường OTC. Sở giao dịch phái sinh quy định và chuẩn hóa các điều khoản của một hợp đồng, bao gồm:

- ▶ Loại hàng hóa
- ▶ Khối lượng hàng hóa
- ▶ Tháng giao hàng
- ▶ Phương thức giao hàng

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI DẦU THÔ WTI SỞ GIAO DỊCH NYMEX		HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ DOW JONES - GLOBEX	
Hàng hoá	dầu thô WTI	Hàng hoá	chỉ số Dow
Giá niêm yết	45.77 USD/thùng	Giá niêm yết	20,900 điểm
Bước giá	0.01 USD	Bước giá	1 điểm
Kích cỡ hợp đồng	1,000 thùng	Kích cỡ hợp đồng	5 USD * chỉ số
Tháng giao hàng	tháng 6 năm 2017	Tháng giao hàng	tháng 6 năm 2017
Phương thức thanh toán	đầu vật lý	Phương thức thanh toán	tiền

Giao dịch hợp đồng tương lai trên sở giao dịch bao gồm:



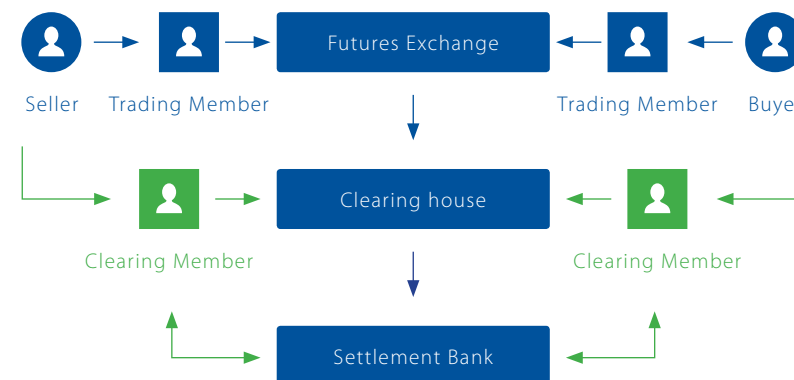
Cấu trúc Thị trường Hợp đồng Tương lai

Hợp đồng tương lai (futures) và hợp đồng quyền chọn (options) là hai loại công cụ phái sinh và được giao dịch trên sở giao dịch phái sinh (derivatives exchange) tách biệt với sở giao dịch chứng khoán (securities exchange).

Sở Giao dịch Hợp đồng Tương lai (Futures Exchange) cung cấp hệ thống giao dịch khớp lệnh và đề ra các điều khoản hợp đồng tương lai.

Trung tâm Bù trừ (Clearing House) quản lý vị thế giao dịch, nhận ký quỹ từ công ty thành viên, và đảm bảo các bên giao dịch thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngân hàng Thanh toán (Settlement Bank) thực hiện thanh toán lời lỗ hàng ngày cho các công ty thành viên.



Công ty Thành viên Giao dịch (Trading Member) nhận lệnh từ người mua và người bán. Sau đó, lệnh mua bán sẽ được chuyển vào Sở Giao dịch.

Công ty Thành viên Bù trừ (Clearing Member) nhận ký quỹ từ người mua và người bán. Sau đó ký quỹ sẽ được chuyển cho Trung tâm Bù trừ.

Người mua (Buyer) và người bán (Seller) đặt lệnh giao dịch và ký quỹ tại công ty thành viên. Thông thường các công ty thành viên thực hiện cả hai chức năng là thành viên giao dịch và thành viên bù trừ.

Định giá Hợp đồng Tương lai

Fair Value of the Futures

=

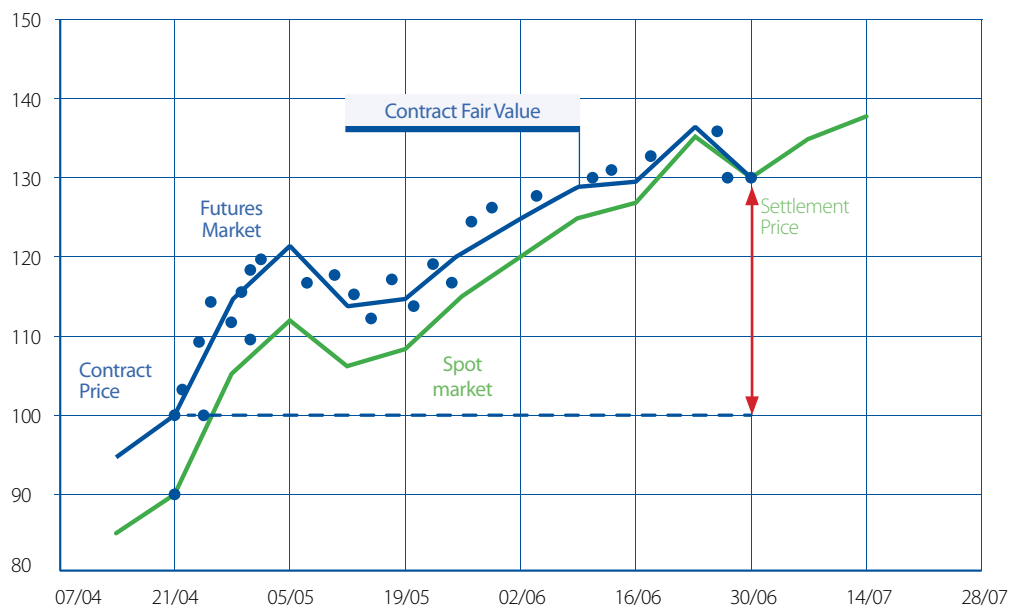
Spot Price + Cost of Carry

Giá giao dịch của hợp đồng tương lai được xác định bởi cung và cầu của thị trường. Người mua và người bán đặt lệnh và lệnh được khớp thông qua đấu giá liên tục trên sở giao dịch.

Giá trị hợp lý (fair value) của hợp đồng tương lai được dẫn ra từ giá cơ sở (cash price) theo nguyên tắc cân bằng chi phí.

Tại thời điểm t , người bán nếu bán giao ngay thì sẽ được giá S_t . Nếu người bán giữ hàng đến thời điểm T trong tương lai để giao hàng cho người mua thì phải chịu thêm chi phí giữ hàng C từ thời điểm t đến thời điểm T . Chi phí này cũng được gọi là chi phí lưu kho (inventory cost, cost of carry). Do đó, người bán nên ký hợp đồng xung quanh giá trị hợp lý F_t như sau:

$$F_t = S_t + C(t, T)$$



HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ CỔ PHIẾU

Tài sản Cơ sở

Chúng ta có thể chia hàng hóa cơ sở của hợp đồng tương lai thành hai loại:

- Các công cụ tài chính gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu, và ngoại tệ
- Hàng vật lý gồm hàng nông nghiệp, kim loại, và năng lượng

Chúng ta có thể chia hàng hóa cơ sở của hợp đồng tương lai thành hai loại:

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI DẦU THÔ WTI SỞ GIAO DỊCH NYMEX		HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỨNG CHỈ DJIA	
Hàng hoá	dầu thô WTI	Hàng hoá	chứng chỉ DJIA
Giá niêm yết	45.77 USD/thùng	Giá niêm yết	21,030 USD/chứng chỉ
Bước giá	0.01 USD	Bước giá	1 USD
Kích cỡ hợp đồng	1,000 thùng	Kích cỡ hợp đồng	50 chứng chỉ
Tháng giao hàng	tháng 6 năm 2017	Tháng giao hàng	tháng 6 năm 2017
Phương thức thanh toán	đầu vật lý	Phương thức thanh toán	tiền

Chứng chỉ Quỹ ETF

ETF là một công cụ tài chính đại diện cho một rổ cổ phiếu. Một thị trường cổ phiếu có thể được chia thành nhiều chứng chỉ ETF với giá bằng chỉ số thị trường:

$$C = P \times N = \sum p_i \times n_i$$

- C:** giá trị vốn hóa toàn thị trường (market capitalization)
P: chỉ số thị trường
N: số lượng chứng chỉ ETF tương ứng với toàn thị trường
 p_i : giá cổ phiếu thành phần
 n_i : số lượng của cổ phiếu thành phần

Số lượng cổ phiếu thành phần ứng với 1 chứng chỉ ETF

$$m_i = \frac{1}{N} \times n_i$$

Hợp đồng Tương lai Chỉ số Cổ phiếu VN30

Tài sản cơ sở của hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu là chứng chỉ ETF tương ứng chỉ số cơ sở. Giá của ETF là chỉ số cơ sở.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỨNG CHỈ ETF VN30		HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ VN30 SỞ GIAO DỊCH PHÁI SINH HNX	
Hàng hoá	chứng chỉ ETF VN30	Hàng hoá	chỉ số VN30
Giá niêm yết	690.0 đồng/chứng chỉ	Giá niêm yết	690.0 điểm chỉ số
Bước giá	0.1 đồng	Bước giá	0.1 điểm chỉ số
Kích cỡ hợp đồng	100,000 chứng chỉ	Kích cỡ hợp đồng	100,000 đồng
Tháng giao hàng	tháng 6 năm 2017	Tháng đáo hạn	tháng 6 năm 2017
Phương thức thanh toán	tiền	Phương thức thanh toán	tiền

Số nhân Hợp đồng

Trong đặc tả trên, số nhân hợp đồng (contract multiplier) có ý nghĩa là số lượng chứng chỉ quỹ ETF trong 1 hợp đồng, nhưng đồng thời cũng có ý nghĩa là giá trị tương ứng với 1 điểm chỉ số.

Định giá

Giá hợp lý của hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu được xác định theo nguyên lý cân bằng chi phí.

Giá tương lai = Giá cơ sở + (Lãi vay – Cổ tức)

$F = Se^{(r-d)T}$

- S:** giá cơ sở
e: hằng số = 2,71
r: lãi suất vay
d: lợi suất cổ tức bình quân của chỉ số
T: thời gian nắm giữ đến đáo hạn

Đáo hạn Hợp đồng

Sở giao dịch HNX quy định các tháng đáo hạn của hợp đồng chỉ số là tháng gần nhất (spot month), tháng kế tiếp (next month), và 2 quý kế tiếp. Ngày đáo hạn là ngày thứ Năm thứ ba của tháng đáo hạn.

Phương thức Thanh toán bằng Tiền

Kích cỡ của hợp đồng (contract size) được định nghĩa là số hàng vật lý được giao, hay giá trị tương đương được thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn, nên hai đặc tả bên dưới cũng hoàn toàn như nhau về mặt ý nghĩa:

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ VN30 SỞ GIAO DỊCH PHÁI SINH HNX		HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ VN30 SỞ GIAO DỊCH PHÁI SINH HNX	
Hàng hoá	chỉ số VN30	Hàng hoá	chỉ số VN30
Giá niêm yết	690.0 điểm chỉ số	Giá niêm yết	690.0 điểm chỉ số
Bước giá	0.1 điểm chỉ số	Bước giá	0.1 điểm chỉ số
Số nhân hợp đồng	100,000 đồng	Kích cỡ hợp đồng	100,000 đồng*chỉ số VN30
Tháng đáo hạn	tháng 6 năm 2017	Tháng đáo hạn	tháng 6 năm 2017
Phương thức thanh toán	tiền	Phương thức thanh toán	tiền

Giá Thanh toán Cuối cùng

(Final Settlement Price)

Vào ngày đáo hạn của hợp đồng, nếu vị thế vẫn còn mở, người bán sẽ nhận được một chuỗi thanh toán hàng ngày với tổng là bằng chênh lệch giữa giá hợp đồng và giá thanh toán cuối cùng (FSP).

FSP sẽ do Trung tâm Bù trừ quy định, thông thường sẽ được xác định từ giá chỉ số cơ sở trong ngày giao dịch cuối cùng (last trading day).

Sau ngày giao dịch cuối cùng, hợp đồng tương lai tương ứng sẽ bị hủy niêm yết. Các vị thế của hợp đồng này trên tài khoản nhà đầu tư sẽ không còn.

MINH HOẠ

Giao dịch hợp đồng tương lai dầu thô WTI



Giao dịch

Trên sở giao dịch hàng hóa New York (NYMEX)

- Vào ngày 28/4, tôi đặt lệnh bán 8 hợp đồng tháng 6, với giá \$49.33/thùng.
- Sau đó vào ngày 4/5, tôi mua lại 8 hợp đồng tháng 6 với giá \$45.52/thùng.

Cash in	$= 8 * \$49.33 * 1,000$
Cash out	$= 8 * \$45.52 * 1,000$

PnL = \$30,480



Vị thế (Position)

Ban đầu	0
Bán 8 HĐ tháng 6	- 8 HĐ (short position)
Mua lại 8 HĐ tháng 6	+ 8 HĐ
Vị thế sau cùng	0
	Không có giao nhận dầu vào ngày giao hàng

-8

+8

Delivery = 0

Số dư Ký quỹ (Equity Balance)

Số dư ký quỹ ban đầu	40,000 (\$)
Tỷ lệ số dư ký quỹ / Giá trị giao dịch	hơn 10%
Chênh lệch (giá bán – giá mua)	$49.33 - 45.52 = 3.81$ (\$/thùng)
Số thùng dầu trong 1 hợp đồng	1,000 thùng
Lợi nhuận cho mua bán 1 hợp đồng	$3.81 * 1,000 = 3,810$ (\$/hợp đồng)
Lợi nhuận cho mua bán 8 hợp đồng	$3,810 * 8 = 30,480$ (\$)
Số dư ký quỹ sau cùng	$40,000 + 30,480 = 70,480$ (\$)

Tỷ suất Lợi nhuận (Return)

Return của tài khoản ký quỹ	$30,480 / 40,000 = 76\%$
Return của chỉ số	$3.81 / 49.33 = 7.7\%$
Hệ số đòn bẩy	$76\% / 7.7\% = 10$ (lần)

GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ DOW JONES



Giao dịch

Sản phẩm	Dow Futures tháng 6
Mở vị thế mua (open a long position)	Mua 8 hợp đồng tháng 6, giá 20,500
Đóng vị thế (offset a position)	Bán 8 hợp đồng tháng 6, giá 20,900

Vị thế (Position)

Ban đầu	0
Mua 8 HĐ tháng 6	+8 hợp đồng (long position)
Chênh lệch (giá bán – giá mua)	- 8 hợp đồng
Số thùng dầu trong 1 hợp đồng	0

Số dư Ký quỹ (Equity Balance)

Số dư ký quỹ ban đầu	41,000 (\$)
Tỷ lệ ký quỹ	5%
Chênh lệch (giá bán – giá mua)	(20,900 – 20,500) = 400 điểm
Số nhân hợp đồng	5 (\$)
Lợi nhuận cho mua bán 1 hợp đồng	400 * 5 = 2,000 (\$)
Lợi nhuận cho mua bán 8 hợp đồng	2,000 * 8 = 16,000 (\$)
Số dư ký quỹ sau cùng	41,000 + 16,000 = 57,000 (\$)

Tỷ suất Lợi nhuận (Return)

Return của tài khoản ký quỹ	16,000 / 41,000 = 39%
Return của chỉ số	400 / 20,500 = 1.95%
Hệ số đòn bẩy	39.0% / 1.95% = 20 (lần)

GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI CHỈ SỐ VN30

Sản phẩm	Hợp đồng tương lai Chỉ số VN30
Sở giao dịch	HNX

Chỉ số cơ sở	Chỉ số VN30
Giá niêm yết	700.0 điểm chỉ số
Bước giá	0.1 điểm chỉ số
Số nhân hợp đồng	100,000 đồng
Tháng đáo hạn	tháng 6 năm 2017
Phương thức thanh toán	bằng tiền

Giao dịch

Sở giao dịch phái sinh	HNX
Sản phẩm	VN30 Futures tháng 6
Mở vị thế bán (open a short position)	Bán 8 hợp đồng tháng 6, giá 700
Đóng vị thế (offset a position)	Mua 8 hợp đồng tháng 6, giá 686

Vị thế (Position)

Ban đầu	0
Bán 8 HĐ tháng 6	- 8 hợp đồng (short position)
Mua lại 8 HĐ tháng 6	+ 8 hợp đồng
Vị thế sau cùng	0

Số dư Ký quỹ (Equity Balance)

Số dư ký quỹ ban đầu	84,000,000 đồng
Tỷ lệ số dư ký quỹ / giá trị giao dịch	15%
Chênh lệch (giá bán – giá mua)	(700 - 686) = 14 (điểm chỉ số)
Số nhân hợp đồng	100,000 đồng
Lợi nhuận cho mua bán 1 hợp đồng	14 * 100,000 = 1,400,000 (đồng/hợp đồng)
Lợi nhuận cho mua bán 8 hợp đồng	8 * 1,400,000 = 11,200,000 (đồng)
Số dư ký quỹ sau cùng	84,000,000 + 11,200,000 = 95,200,000 (đồng)

Tỷ suất Lợi nhuận (Return)

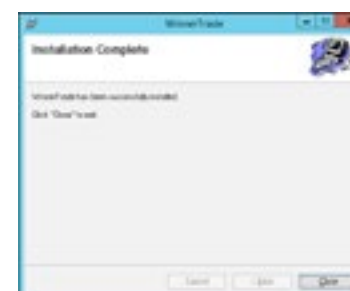
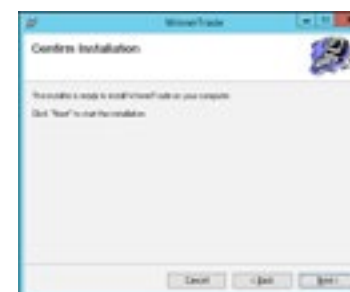
Return của tài khoản ký quỹ	11,200,000 / 84,000,000 = 13.3%
Return của chỉ số	14 / 700 = 2.0%
Hệ số đòn bẩy	13.3% / 2.0% = 6.6 (lần)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

HSC WINNERTRADE

■ Cài đặt và Đăng nhập	21 - 22
■ Giao diện	23 - 28
■ Các loại Lệnh	29 - 34
■ Tùy chỉnh Giao diện	35

CÀI ĐẶT VÀ ĐĂNG NHẬP



Cài đặt

Để sử dụng lần đầu tiên, khách hàng cần tải HSC WinnerTrade về máy tính. Sử dụng đường link bên dưới để tải HSC WinnerTrade.

► <https://winnertrade.hsc.com.vn/>

Mở và chạy cài đặt phần mềm. Nhấn **Next** để tiếp tục cài đặt.

Hệ thống sẽ chọn thư mục mặc định hoặc khách hàng nhấn **Browse** để chọn thư mục khác. Nhấn **Next** để tiếp tục.

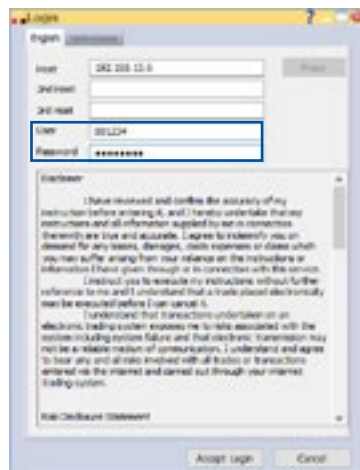
Hệ thống thông báo đã sẵn sàng cho việc cài đặt, nhấn **Next** để bắt đầu.

Phần mềm HSC WinnerTrade đã được cài đặt thành công. Để thoát khỏi Cài đặt, nhấn **Close**.

Sau khi cài đặt lần đầu, khách hàng chỉ cần mở HSC Winner Trade và tiến hành đăng nhập.

Đăng nhập

Vào hệ thống HSC WinnerTrade từ biểu tượng HSC-WinnerTrade trên màn hình Desktop. Nhập mã đăng nhập, mật mã và nhấn **Accept Login**.

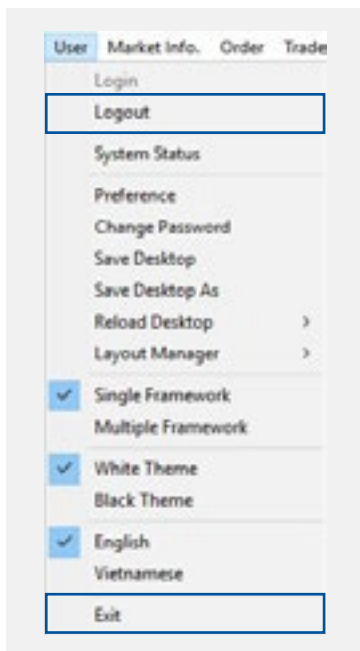


Đăng thoát

Khách hàng nhấn vào **Logout** hoặc **Exit** từ Menu **User**.

Đổi mật khẩu

Khi đăng nhập vào HSC WinnerTrade lần đầu, hệ thống sẽ mở màn hình thông báo đổi mật khẩu. Khách hàng cũng có thể chọn **Change Password** tại thẻ **User**.



GIAO DIỆN HSC WINNERTRADE

Phần hướng dẫn dưới đây sẽ đề cập đến các màn hình quan trọng để phục vụ cho mục đích giao dịch phái sinh trên ứng dụng HSC WinnerTrade theo các nhóm mục đích sau:

- ▶ Theo dõi thông tin thị trường (thông tin giá, thông tin độ sâu thị trường, dữ liệu giao dịch trong ngày)
- ▶ Thực hiện giao dịch, các phương thức đặt lệnh
- ▶ Xem đồ thị giá theo ngày và đồ thị quá khứ, xem xét công cụ phân tích kỹ thuật cơ bản
- ▶ Quản lý lệnh và kết quả giao dịch
- ▶ Theo dõi tình trạng tài khoản

- 1 Thông tin giá
- 2 Độ sâu thị trường
- 3 Phiếu lệnh
- 4 Đồ thị giao dịch
- 5 Dữ liệu giao dịch trong ngày
- 6 Thông tin tài khoản và số lệnh

Màn hình giao dịch gồm có 6 phần chính.



Giao diện HSC WinnerTrade với dữ liệu Hang Seng Futures Index (Hong Kong)

1. Thông tin Giá

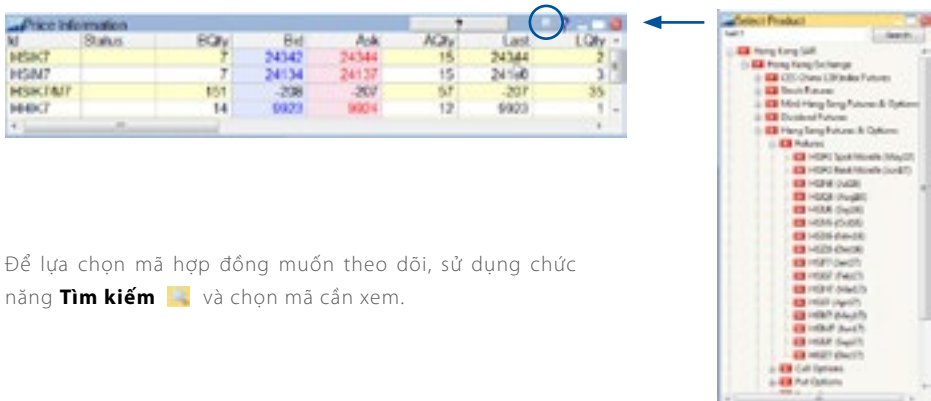
Từ Menu **Market Info** chọn **Price Info**

SI	Status	BQQty	Bid	Ask	AQQty	Last	EQQty	High	Low	Chg	Chg%	Open	Pre-Close	Q1	Vol	Open 2	BP
HSI	OPEN_DPL	8	24356	24358	7	24358	1	24372	24220	117	0.48	24472	24211	135833	98712		
HSI-MF	OPEN_DPL	8	24348	24351	7	24352	1	24358	24320	138	0.83	24250	23954	21941	725	24009	
HSI-MF	OPEN_DPL	150	-208	-207	57	-207	35	-307	-307								
HSI-MF	OPEN_DPL	85	9928	9927	20	9927	2	10029	9987	-965	-0.70	92034	10492	242511	121294	9880	

Màn hình cung cấp thông tin thị trường theo thời gian thực cho danh sách các mã hợp đồng do khách hàng lựa chọn (tương tự như WatchList trên phần mềm VIS). Các thông tin quan trọng được thể hiện như:

- ▶ Thông tin chào mua/chào bán tốt nhất (Giá, Khối lượng)
- ▶ Thông tin khớp lệnh gần nhất (Giá, Khối lượng)
- ▶ Thông tin giá mở cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất
- ▶ Thông tin về Khối lượng Mở (Open Interst - O/I) của mã hợp đồng

Người dùng có thể nhấp chuột vào ô giá chào mua/bán để tiến hành đặt lệnh từ màn hình này.



Để lựa chọn mã hợp đồng muốn theo dõi, sử dụng chức năng **Tìm kiếm** và chọn mã cần xem.

2. Độ sâu Thị trường

Chức năng này hỗ trợ theo dõi thông tin của một mã hợp đồng cụ thể.

Từ **Market Info** chọn **Price Depth**.

Màn hình Độ sâu Thị trường (Price Depth) là màn hình quan trọng cung cấp thông tin chào mua (giá và khối lượng), chào bán (giá và khối lượng) trên thị trường theo thời gian thực cho một mã hợp đồng cụ thể. Theo thông lệ quốc tế đối với thị trường giao dịch phái sinh, Độ sâu Thị trường thường cung cấp 5 giá chào mua/bán tốt nhất đi kèm với khối lượng chào mua/bán tương ứng trên thị trường. Khách hàng sẽ dựa trên thông tin này để ra quyết định giao dịch.

5 giá chào mua tốt nhất và khối lượng

1

5 giá chào bán tốt nhất và khối lượng

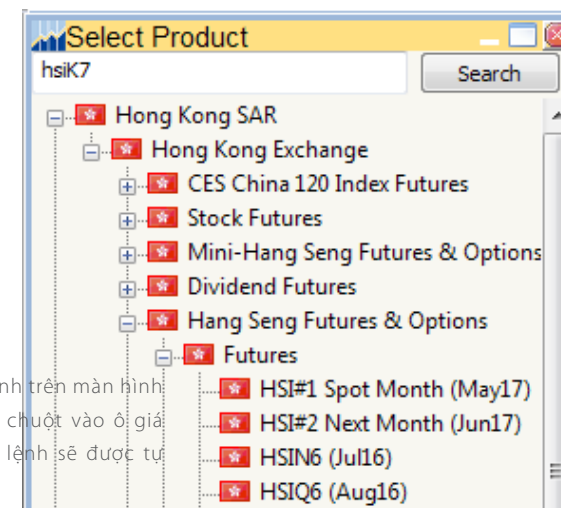
2

BQQty	Bid	Ask	AQQty
3	24343	24344	1
7	24342	24345	19
7	24341	24346	15
8	24340	24347	11
11	24339	24348	14

1

2

Để lựa chọn mã hợp đồng cần xem, vào menu tìm kiếm tương tự như trên thanh Thông tin Giá và lựa chọn hợp đồng tương ứng.



Khách hàng có thể thực hiện đặt lệnh trên màn hình **Price Depth** này bằng cách nhấp chuột vào ô giá mua/bán được hiển thị, thông tin lệnh sẽ được tự động điền vào Phiếu Lệnh.

3. Phiếu Lệnh

Từ Menu **Order** chọn **Order Ticket**.
Chi tiết về phiếu lệnh và cách đặt lệnh tham khảo tại mục **Các loại Lệnh**.

4. Đồ thị Giao dịch

Từ Menu **Market Info** chọn **Intraday Chart**
Đồ thị được dùng để xem thay đổi giá trong ngày hoặc thông tin giá hợp đồng trong quá khứ. Khách hàng có thể dùng đồ thị để xác định xu hướng giá và dựa vào đó để giao dịch.

Đồ thị có thể điều chỉnh lựa chọn vẽ đồ thị 1 phút, 5 phút hoặc 15 phút và thêm vào những phân tích kỹ thuật cơ bản (đường trung bình, đường RSI, MACD) để phục vụ cho việc đưa ra quyết định.



5. Dữ liệu Giao dịch trong ngày

Từ Menu **Trade** chọn **Ticker**. Dữ liệu Giao dịch trong ngày sẽ cho khách hàng biết số lượng hợp đồng đã được khớp lệnh trên toàn thị trường của mã hợp đồng được chọn. Khách hàng có thể thay đổi mã hợp đồng theo dõi bằng cách vào mục **Tìm kiếm** tương tự như phần Thông tin giá.

A screenshot of the 'HSC71 Ticker' window. It displays a table of trade data with columns: Price, Qty, Time, and Src. The data shows a series of trades for the HSC71 contract, with prices ranging from 24354 to 24356 and quantities from 1 to 20. The time column shows trades occurring between 15:10:38 and 15:10:49. The Src column shows 'EMP 1 BR' for one of the trades.

Price	Qty	Time	Src
24355	2	15:10:38	
24355	1	15:10:39	
24355	1	15:10:40	
24354	1	15:10:40	
24354	1	15:10:41	
24355	2	15:10:41	
24355	1	15:10:43	
24355	1	15:10:44	
24355	2	15:10:44	
24356	1	15:10:45	
24355	1	15:10:45	
24375	20	15:10:48	EMP 1 BR
24355	1	15:10:48	
24356	1	15:10:48	
24354	1	15:10:49	

6. Thông tin Tài khoản và Sổ Lệnh

Từ Menu **Account** chọn **Client Summary**.
Chức năng này được chia làm 3 phần.

a. Sổ Lệnh

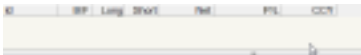
Lệnh giao dịch được đặt trên Phiếu lệnh sẽ hiển thị chi tiết ở **Order**, **History** và **Trade**

- ▶ Lệnh chưa khớp hoặc phần còn lại của lệnh chưa khớp sẽ ở trạng thái Outstanding trong Order.
- ▶ Toàn bộ lệnh đặt trong ngày (lệnh khớp và chưa khớp) sẽ thể hiện ở History.
- ▶ Khớp lệnh trong ngày thể hiện ở Trade.



b. Vị Thế

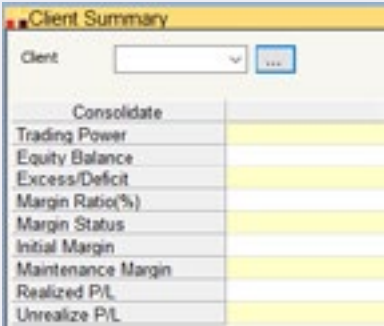
Sau khi lệnh được khớp, vị thế sẽ được cập nhật phía dưới thông tin tài khoản.



Thông tin vị thế sẽ bao gồm mã hợp đồng, vị thế mua hoặc bán, vị thế ròng và tổng lời lỗ. Thông tin vị thế sẽ được cập nhật khi có thêm lệnh được khớp và phản ánh thay đổi lên mục Thông tin tài khoản.

Mục	Công thức tính	Mục đích
Id		Mã hợp đồng
B/F		Số hợp đồng mở từ ngày giao dịch liền trước
Long		Số hợp đồng mua trong ngày
Short		Số hợp đồng bán trong ngày
Net	Net = B/F + Long – Short	Tổng số hợp đồng mở của khách hàng đối với mã HD
P/ L		Tổng lời/ lỗ bao gồm lời/lỗ đã hiện thực và lời/lỗ tạm tính

c. Thông tin Tài khoản



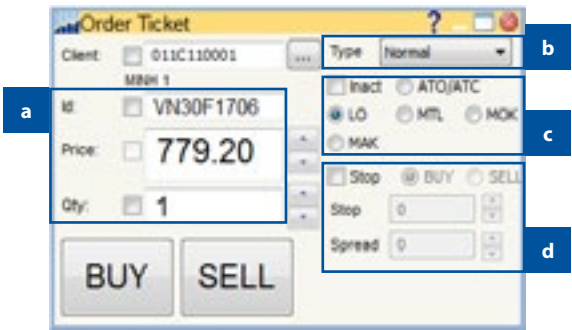
Mục	Công thức tính	Mục đích
Trading Power		Sức giao dịch của tài khoản ở thời điểm hiện tại, Khách hàng sẽ giao dịch dựa trên sức giao dịch này.
Equity Balance	Equity Balance = Cash Balance + Total P/L	Số dư ký quỹ của khách hàng đã bao gồm các khoản lãi/ lỗ
Excess/ Deficit	Excess Equity = Equity Balance – Initial Margin	Giá trị này sẽ là Phần Ký Quỹ Còn Dư nếu Số Dư Ký Quỹ lớn hơn Mức Ký Quỹ Ban Đầu, ngược lại giá trị này sẽ là Phần Ký Quỹ Còn Thiếu nếu Số Dư Ký Quỹ nhỏ hơn Mức Ký Quỹ Ban Đầu.
Init. Margin		Tổng giá trị ký quỹ ban đầu tương ứng với số lượng hợp đồng nắm giữ và đang đặt lệnh mở mới.
Maint. Margin	Net = B/F + Long – Short	Tổng giá trị ký quỹ tối thiểu phải duy trì cho số lượng hợp đồng đang mở.
Margin Ratio	Margin Ratio = Equity Balance / Initial Margin	Thể hiện mức độ rủi ro của tài khoản. HSC quy định các ngưỡng cảnh báo dựa vào tỷ lệ này.
Balance B/F		Số dư tiền đầu ngày.
Realized P/L		Lãi lỗ đã hiện thực trong ngày do đóng vị thế.
Unrealized P/L		Lãi lỗ tạm tính cho các vị thế đang mở.
Total P/L	Total P/L = Realized P/L + Unrealized P/L	Tổng lãi/lỗ trong ngày.
Cash Balance	Cash Balance = Balance B/F + Cash In - Cash Out	Số dư tiền hiện tại.

CÁC LOẠI LỆNH

Màn hình Phiếu lệnh (Order Ticket)

Từ menu **Order** mở **Order Ticket**, phiếu lệnh gồm:

- ▶ Mã hợp đồng (Id)
- ▶ Giá hợp đồng (Price)
- ▶ Khối lượng giao dịch (Qty)
- ▶ Loại lệnh (Type)



- a. Mã hợp đồng, Giá và Khối lượng
- b. Loại Lệnh
- c. Hiệu lực của Lệnh
- d. Lệnh Dừng

a. Mã hợp đồng, Giá và Khối lượng

Khách hàng có thể đặt lệnh bằng cách nhập mã hợp đồng, giá, khối lượng, chọn loại lệnh hoặc nhập thông tin tự động bằng cách nhấp chuột vào các ô giá đang chào mua/chào bán trên màn hình theo dõi thông tin thị trường như Price Depth hoặc Price Information. Lúc này, mã hợp đồng, giá sẽ tự động điền vào màn hình đặt lệnh tương ứng. Đây là cách thường sử dụng khi giao dịch phái sinh.

Do tính chất biến động liên tục của thị trường, hệ thống HSC hỗ trợ các loại lệnh chuyên cho giao dịch phái sinh và các tổ hợp tham số để điều chỉnh điều kiện thực hiện của lệnh trong mục Type như Stop order, OCO, Trailing stop, Bull/Bear.

b. Loại Lệnh (Type)

Lệnh cơ bản (Normal)

Lệnh điều kiện

- ▶ Lệnh Trailing Stop
- ▶ Lệnh OCO
- ▶ Lệnh Bull & Bear
- ▶ Lệnh If Done Stop
- ▶ Lệnh If Done Gain

c. Hiệu lực của Lệnh

Lệnh Cơ bản: ATO, ATC, LO, MTL, MOK, MAK

Lệnh thị trường giới hạn (MTL): lệnh sẽ tự động khớp với lệnh đối ứng có mức giá tốt nhất, phần còn lại chưa khớp sẽ chuyển thành lệnh LO với giá bằng với giá thực hiện gần nhất.

Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (MOK - Match or Kill): là lệnh thị trường nếu không được thực hiện toàn bộ thì sẽ bị hủy.

Lệnh thị trường khớp và hủy (MAK - Match and Kill): là lệnh thị trường thực hiện toàn bộ hoặc một phần, phần còn lại của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh.

Lệnh Điều kiện: sẽ có hiệu lực như lệnh LO.

d. Lệnh Dừng

Lệnh Dừng Mua: khi giá thị trường cao hơn hoặc bằng giá dừng mua, lệnh mua sẽ được kích hoạt trong hệ thống.

Ví dụ: Nếu giá hiện tại là 690, lệnh dừng mua tại mức giá 700 sẽ không được kích hoạt cho tới khi giá ở mức là 700.

Lệnh Dừng Bán: khi giá thị trường nhỏ hơn hay bằng giá dừng bán, lệnh bán sẽ được kích hoạt trong hệ thống.

Ví dụ: Nếu giá hiện tại là 690, lệnh dừng bán tại mức giá 680 sẽ không được kích hoạt cho tới khi giá ở mức là 680.

Màn hình Phiếu lệnh nhanh (Quick Order Ticket)

Từ menu **Order** mở **Quick Order Ticket**, phiếu lệnh nhanh gồm:

- ▶ Giá chào mua tốt nhất
- ▶ Giá chào bán tốt nhất
- ▶ Khối lượng (Qty)
- ▶ Chênh lệch (Spread)

Ở chế độ mặc định, phiếu lệnh nhanh sẽ thể hiện giá chào mua tốt nhất và giá chào bán tốt nhất. Khách hàng có thể đặt lệnh mua tại giá chào bán tốt nhất và đặt lệnh bán tại giá chào mua tốt nhất. Bằng cách nhấp chuột vào bên mua hoặc bán, khách hàng có thể thực hiện đặt lệnh nhanh hơn.

Phần Tùy Chọn của phiếu lệnh nhanh cho phép thay đổi giao diện đặt lệnh để đặt lệnh Giới hạn- Limit Order (LO)

Khi đó, khách hàng có thể đặt lệnh mua LO tại giá chào mua tốt nhất và đặt lệnh bán LO tại giá chào bán tốt nhất. Bằng cách nhấp chuột vào bên mua hoặc bán, khách hàng có thể đặt lệnh LO nhanh hơn.

Trong phần Tùy Chọn, khách hàng có thể thiết lập phím tắt hotkey (F1-F12 hoặc tổ hợp phím Shift+ tùy chọn) cho cả mua và bán để thuận tiện hơn cho việc thao tác. Các mục loại lệnh (Type) và hiệu lực lệnh (Validity) sẽ được hướng dẫn chi tiết hơn trong mục Lệnh Điều Kiện bên dưới.



LỆNH ĐIỀU KIỆN

a. Trailing Stop

Trailing Stop thường được sử dụng đi kèm với một vị thế đang mở, với vai trò là một lệnh dừng cắt lỗ với giá kích hoạt được điều chỉnh tự động theo bước nhảy (step) đã được xác lập trước. Chức năng này cho phép lệnh Trailing Stop cập nhật giá kích hoạt của lệnh dừng cắt lỗ theo gần giá thị trường khi giá thị trường đang đi cùng chiều với chiều giao dịch (giá lên khi đang nắm vị thế mua và giá xuống khi nắm vị thế bán). Số lệnh sẽ thể hiện lệnh Trailing Stop là lệnh chờ kích hoạt (Waiting). Khi điều kiện để giá kích hoạt thỏa mãn, lệnh giới hạn tại mức giá kích hoạt sẽ được gửi vào sổ giao dịch.

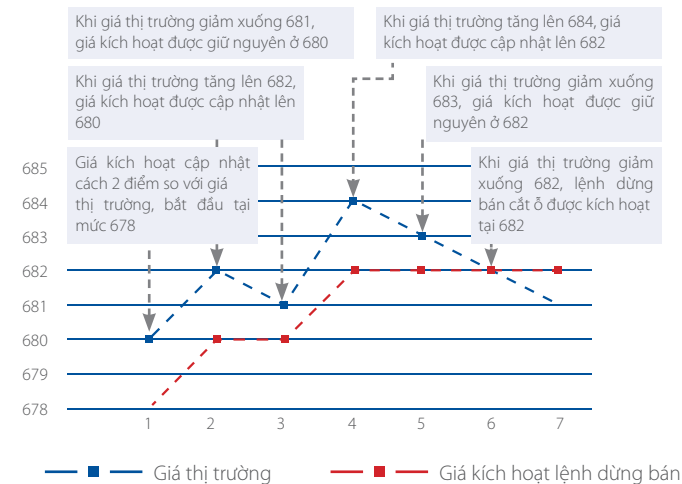
Khi giá thị trường biến động theo chiều ngược lại, lệnh dừng cắt lỗ, với giá kích hoạt đã được cập nhật theo gần giá thị trường, sẽ đảm bảo được phần lợi nhuận. Lệnh Trailing Stop giúp khách hàng giảm tối thiểu khả năng lỗ và tiếp tục lãi từ xu hướng giá cùng chiều với chiều giao dịch.

Ví dụ: Giá thị trường của hợp đồng đang ở mức 680, khách hàng đang giữ vị thế mua. Lệnh Trailing Stop được cài đặt với những thông số như sau: stop = 678, spread = 0, step = 2. Giá stop là giá kích hoạt ban đầu của lệnh dừng bán cắt lỗ.



Giá kích hoạt của lệnh dừng bán cắt lỗ khi giá thị trường thay đổi sẽ như sau:

Khi giá thị trường biến động mạnh, khách hàng có thể không thực hiện được lệnh dừng cắt lỗ ngay cả khi mức giá dừng cắt lỗ đã được cài đặt. Trong trường hợp đó, độ chênh lệch (spread) được cài đặt để đảm bảo cắt lỗ thành công trong biên độ chênh lệch đó. Trong trường hợp giá biến động quá mạnh, lệnh dừng cắt lỗ sẽ trở thành lệnh giới hạn chờ ở mức giá cắt lỗ đã được cài đặt.



Ví dụ: Nếu độ chênh lệch cho lệnh dừng cắt lỗ cho ví dụ trên là 0,5, mức dừng cắt lỗ được kích hoạt tại mức giá 682 nhưng lệnh đột ngột từ 682 xuống 681,5, lệnh bán sẽ được thực hiện tại các mức giá từ 682 xuống mức 681,5. Khi giá thay đổi đột ngột từ 682 xuống 680, lệnh dừng bán cắt lỗ sẽ trở thành lệnh giới hạn bán tại mức 681,5.

b. OCO (One Cancels Other)

OCO thường được sử dụng đi kèm với một vị thế đang mở. Lệnh OCO là kết hợp của hai lệnh, lệnh dừng cắt lỗ và lệnh giới hạn để đóng vị thế tại mức giá kỳ vọng.

Số lệnh sẽ thể hiện hai lệnh:

- ▶ Một lệnh giới hạn đã được gửi vào sổ giao dịch chờ khớp (Outstanding)
- ▶ Một lệnh dừng cắt lỗ được thể hiện là lệnh chờ kích hoạt trên hệ thống (Waiting)

Khi một trong hai lệnh khớp hoàn toàn, lệnh còn lại sẽ tự động hủy.

Ví dụ: Khách hàng đang giữ vị thế bán một hợp đồng tại mức giá 780. Khách hàng kỳ vọng chốt lời tại giá 770 và không mong cắt lỗ ở mức giá vượt quá 785.

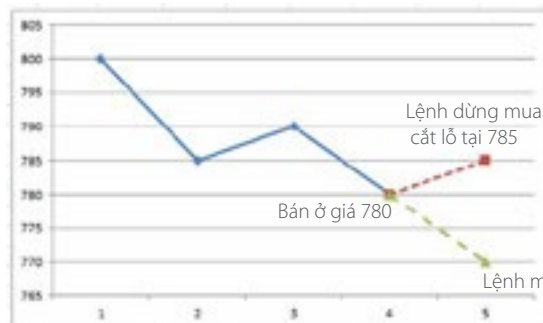
Lệnh OCO trên sổ lệnh sẽ bao gồm một lệnh dừng mua cắt lỗ chờ kích hoạt trên hệ thống (Waiting) tại mức giá 785 và một lệnh mua giới hạn tại mức giá 770 đã được gửi vào sổ giao dịch chờ khớp (Outstanding).



Id	BOBQty	AOBQty	Pre	Validity	Condition	Status	User	CreateTime	OrdId	Order Type
VN30F1708	1		770.0	Limit		Outstanding	HSC02	13:43:42	4-0	OCO
VN30F1708		1	785.0	Limit	SL>=785.0	Waiting	HSC02	13:43:42	4-1	OCO

Nếu giá thị trường tăng lên 785, lệnh dừng mua cắt lỗ trên hệ thống sẽ được kích hoạt tại mức giá 785 và lệnh mua giới hạn tại mức giá 770 tại sổ giao dịch sẽ được hủy.

Nếu giá thị trường xuống 770, lệnh mua giới hạn ở mức giá 770 tại sổ giao dịch sẽ được khớp và lệnh dừng mua cắt lỗ tại mức giá 785 trên hệ thống sẽ bị hủy.



Chênh lệch (spread) trong lệnh OCO cũng có chức năng tương tự như lệnh Trailing Stop và được dùng để đảm bảo lệnh dừng cắt lỗ được thực hiện thành công trong biên độ chênh lệch đó.

c. Bull & Bear

Lệnh Bull & Bear là một tổ hợp lệnh bao gồm: 1 lệnh giới hạn Mua/Bán, 1 lệnh giới hạn để tắt toán vị thế mở ở mức giá kỳ vọng, và 1 lệnh dừng cắt lỗ. Giá trị mức cắt lỗ hay sinh lời kỳ vọng được thiết lập dựa trên chênh lệch tuyệt đối so với mức giá của lệnh giới hạn (mục Profit và Loss).

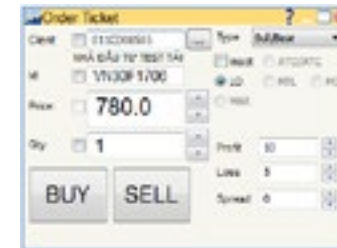
Số lệnh sẽ thể hiện một lệnh giới hạn đã được gửi vào sổ giao dịch chờ khớp (Outstanding). Sau khi lệnh giới hạn này được khớp, số lệnh sẽ hiển thị thêm hai lệnh:

lệnh giới hạn này được khớp, số lệnh sẽ hiển thị thêm hai lệnh:

- ▶ Một lệnh giới hạn để tắt toán vị thế đã được gửi vào sổ giao dịch chờ khớp (Outstanding)
- ▶ Một lệnh dừng cắt lỗ chờ kích hoạt trên hệ thống (Waiting)

Nếu giá thị trường thay đổi chậm những điều kiện tắt toán vị thế hoặc dừng cắt lỗ thì một trong hai lệnh sẽ được khớp hoặc kích hoạt và lệnh còn lại sẽ được hủy.

Chênh lệch (spread) có chức năng tương tự để đảm bảo lệnh dừng cắt lỗ thành công trong biên độ chênh lệch đó.



Ví dụ: Khách hàng đặt lệnh Bull & Bear gồm lệnh giới hạn bán một hợp đồng đã được khớp tại mức giá 780 (Completed). Mức chốt lời kỳ vọng (mục Profit) được đặt ở 10 điểm và mức cắt lỗ (mục Loss) được đặt ở 5 điểm.

Số lệnh sẽ thể hiện một lệnh dừng mua cắt lỗ chờ kích hoạt trên hệ thống (Waiting) tại mức giá 785 và một lệnh giới hạn mua tắt toán vị thế tại mức giá 770 tại sổ giao dịch (Outstanding) chờ khớp tại mức giá 770.

Id	BOBQty	AOBQty	Pre	Validity	Condition	Status	User	CreateTime	OrdId	Order Type
VN30F1708		0	780.0	Limit	Bear=Gain 10	Completed	HSC02	13:48:11	5-0	BullBear
VN30F1708	1		770.0	Limit		Outstanding	HSC02	13:48:11	5-1	BullBear
VN30F1708		1	785.0	Limit	SL>=785.0	Waiting	HSC02	13:48:11	5-2	BullBear

Nếu giá tăng lên mức 785, lệnh dừng mua cắt lỗ trên hệ thống tại mức giá 785 sẽ được kích hoạt và lệnh mua giới hạn tại mức giá 770 tại sổ giao dịch sẽ được hủy. Nếu giá giảm xuống mức 770, lệnh giới hạn mua để tắt toán vị thế tại sổ giao dịch sẽ được khớp và lệnh dừng mua cắt lỗ trên hệ thống sẽ được hủy.

d. If Done Stop

Lệnh If Done Stop bao gồm một lệnh giới hạn Mua/Bán và một lệnh dừng cắt lỗ được thiết lập trước với mức lỗ bằng chênh lệch tuyệt đối so với mức giá của lệnh giới hạn (mục Loss). Lệnh dừng cắt lỗ là lệnh chờ kích hoạt trên hệ thống. Chênh lệch (spread) có chức năng tương tự để đảm bảo lệnh dừng cắt lỗ thành công trong biên độ chênh lệch đó.

Ví dụ: Khách hàng đặt lệnh giới hạn bán tại mức giá 780 và thiết lập mức cắt lỗ là 5 điểm (mục Loss).

Khi lệnh giới hạn bán được khớp, số lệnh sẽ thể hiện một lệnh dừng mua cắt lỗ chờ kích hoạt trên hệ thống (Waiting) tại mức giá 785 để hạn chế mức lỗ.



Id	BOSQty	AOSQty	Prv	Validity	Condition	Status	User	CreateTime	OrdId	Order Type
VN30F1706		0	780.0	Limit	If Done Stop 5	Completed	HSC02	13:49:34	6-0	If Done Stop
VN30F1706	1		785.0	Limit	SL>=785.0	Waiting	HSC02	13:49:34	6-1	If Done Stop

e. If Done Gain

Lệnh If Done Gain bao gồm một lệnh giới hạn Mua/Bán và một lệnh giới hạn để tắt toán vị thế được thiết lập trước với mức lời kỳ vọng bằng chênh lệch tuyệt đối so với mức giá của lệnh giới hạn (mục Profit). Lệnh giới hạn tắt toán để tắt toán vị thế là lệnh được gửi vào sổ giao dịch chờ khớp.

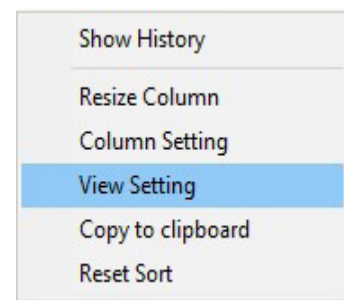
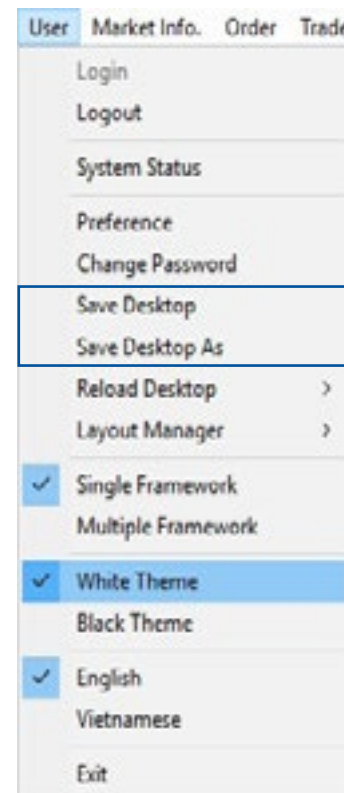
Ví dụ: Khách hàng đặt lệnh giới hạn bán tại mức giá 780 và thiết lập mức chốt lời là 10 điểm (mục Profit).

Khi lệnh giới hạn bán được khớp, một lệnh giới hạn mua để tắt toán vị thế tại 770 sẽ được gửi vào sổ giao dịch để chờ khớp (Outstanding) tại mức lợi nhuận kỳ vọng.



Id	BOSQty	AOSQty	Prv	Validity	Condition	Status	User	CreateTime	OrdId	Order Type
VN30F1706		0	780.0	Limit	If Done Gain 10	Completed	HSC02	15:51:09	7-0	If Done Gain
VN30F1706	1		770.0	Limit		Outstanding	HSC02	15:51:09	7-1	If Done Gain

TÙY CHỈNH GIAO DIỆN



Ngoài giao diện mặc định do HSC cung cấp, với HSC WinnerTrade, khách hàng có thể cài đặt chế độ hiển thị và bố trí giao diện theo nhu cầu của mình. Từ menu **Windows**, khách hàng có thể xem tất cả các màn hình chức năng. Sau khi cài đặt kiểu bố trí ưa thích, từ menu **User** khách hàng có thể lưu kiểu bố trí bằng cách chọn **Save Desktop** hoặc **Save Desktop As**.

HSC WinnerTrade hỗ trợ lưu đến 10 kiểu giao diện. Để sử dụng kiểu giao diện lựa chọn, khách hàng vào User chọn **Reload Desktop** và nhấn để tải giao diện.

Khách hàng cũng có thể cài đặt font chữ, màu sắc cũng như hiển thị hay không hiển thị thông tin theo mong muốn bằng cách nhấp chuột phải vào thanh thông tin trên từng cửa sổ chức năng, chọn **Column Setting** hoặc **View Setting**.

HƯỚNG DẪN

ĐỌC BÁO CÁO

HƯỚNG DẪN ĐỌC BÁO CÁO

Tài liệu này nhằm hỗ trợ khách hàng đọc báo cáo liên quan đến các hoạt động giao dịch hợp đồng tương lai diễn ra trên tài khoản.

Bộ báo cáo tài khoản HSC cung cấp bao gồm:

- ▶ Báo Cáo Chi Tiết Giao Dịch
- ▶ Báo Cáo Tổng Hợp Tài Khoản Theo Ngày
- ▶ Báo Cáo Tổng Hợp Tài Khoản Theo Tháng

Báo cáo chi tiết giao dịch thể hiện chi tiết khớp lệnh thực hiện trong kỳ báo cáo, phí và thuế.

Báo cáo tổng hợp tài khoản theo tháng và theo ngày gồm:

- ▶ Báo Cáo Giao Dịch
- ▶ Vị Thế Đã Đóng
- ▶ Vị Thế Mở
- ▶ Giao Dịch Tiến
- ▶ Kỳ Quỹ Bằng Chứng Khoán
- ▶ Tóm Tắt Tài Khoản



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

ĐT: (+84 28) 3823 3299 Fax: (+84 28) 3823 3301

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Báo Cáo Chi Tiết Giao Dịch

Khách Hàng Địa Chỉ	(Tên khách hàng) (Địa chỉ)	Số Tài Khoản CMND/ Hộ Chiếu/ ĐKKD Loại Tài Khoản Thời gian	011C001234 0123456789 Tài khoản Phái sinh 01/04/2017-20/04/2017
-------------------------------------	---	---	--

BÁO CÁO GIAO DỊCH

Đơn vị tính: VND

Ngày Giao Dịch	Mã Hợp Đồng	Mua/ Bán	Số Lượng	Giá	Phí	Thuế	Tổng Phí Và Thuế
05/04/2017	VN30F1706	Mua	4	690,0	200,000	0	200,000
20/04/2017	VN30F1706	Bán	4	694,3	200,000	0	200,000
20/04/2017	VN30F1712	Bán	1	695,1	50,000	0	50,000
20/04/2017	VN30F1712	Bán	1	695,0	50,000	0	50,000
Tổng Cộng							500,000

Lưu ý: Báo cáo này được tự động sinh ra bởi hệ thống



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Tầng 5B6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam
ĐT:(+84 28) 3823 3299 Fax: (+84 28) 3823 3301
E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Báo cáo tổng hợp tài khoản theo ngày

Khách Hàng	(Tên khách hàng)	Số Tài Khoản	011C001234
Địa Chỉ	(Địa chỉ)	CMND/ Hộ Chiếu/ ĐKKD	0123456789
		Loại Tài Khoản	Tài khoản Phải sinh
		Ngày	20/04/2017

<

Lưu ý: Báo cáo này được tự động sinh ra bởi hệ thống

Trang 1/1



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Tầng 5B6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam
ĐT:(+84 28) 3823 3299 Fax: (+84 28) 3823 3301
E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Báo cáo tổng hợp tài khoản theo tháng

Khách Hàng	(Tên khách hàng)	Số Tài Khoản	011C001234
Địa Chỉ	(Địa chỉ)	CMND/ Hộ Chiếu/ ĐKKD	0123456789
		Loại Tài Khoản	Tài khoản Phải sinh
		Tháng	04/2017

Lưu ý: Báo cáo này được tự động sinh ra bởi hệ thống

Trang 1/1

Báo Cáo Giao Dịch

Báo cáo này thể hiện chi tiết khớp lệnh thực hiện trong kỳ báo cáo, phí và thuế.

Ngày Giao Dịch	Ngày thực hiện giao dịch
Mã Hợp Đồng	Mã hợp đồng được giao dịch
Mua/ Bán	Lệnh mua hay lệnh bán
Số Lượng	Số lượng hợp đồng được giao dịch
Giá	Giá khớp lệnh của một hợp đồng
Phí	Phí giao dịch
Thuế	Thuế phải trả
Tổng Phí và Thuế	Tổng phí giao dịch và thuế

Vị Thế Đã Đóng

Báo cáo này thể hiện các vị thế được đóng trong kỳ báo cáo.

Ngày Mở	Ngày mở vị thế
Ngày Đóng	Ngày đóng vị thế
Mã Hợp Đồng	Mã hợp đồng được giao dịch
SL Mua	Số lượng hợp đồng ở vị thế mua
SL Bán	Số lượng hợp đồng ở vị thế bán
Giá Mua	Giá mua một hợp đồng
Giá Bán	Giá bán một hợp đồng
Lời/ Lỗ Đã Hiện Thực	Lời hoặc lỗ đã hiện thực của các vị thế đã đóng trong kỳ báo cáo

Vị Thế Mở

Báo cáo này thể hiện các vị thế đang mở tính tại ngày chốt kỳ báo cáo.

Ngày Mở	Ngày mở vị thế
Mã Hợp Đồng	Mã hợp đồng được giao dịch
SL Mua	Số lượng hợp đồng ở vị thế mua
SL Bán	Số lượng hợp đồng ở vị thế bán
Giá	Giá khớp lệnh của một hợp đồng
Giá TT Cuối Ngày	Giá thanh toán cuối ngày do Trung tâm Bù trừ cung cấp, được dùng để tính toán các giá trị ký quỹ và lời/lỗ tạm tính
Lời/ Lỗ Tạm Tính	Là giá trị lời hoặc lỗ tạm tính của các vị thế mở tính theo giá thanh toán hiện tại

Giao Dịch Tiền

Báo cáo này thể hiện dòng tiền vào, ra tài khoản trong kỳ báo cáo.

Ngày	Ngày thực hiện giao dịch
Diễn Giải	Diễn giải ngắn gọn về giao dịch được thực hiện

Ký Quỹ Bằng Chứng Khoán

Báo cáo này ghi nhận và tính toán giá trị ký quỹ bằng chứng khoán.

Mã CK	Mã chứng khoán dùng ký quỹ
Số Lượng	Số lượng chứng khoán dùng để ký quỹ
Chiết Khấu	Tỷ lệ chiết khấu
Giá	Giá của chứng khoán ký quỹ
Giá Trị Ký Quỹ Bằng Chứng Khoán	Giá trị ký quỹ tính bằng tiền của danh mục chứng khoán ký quỹ

Tóm Tắt Tài Khoản

Báo cáo này thể hiện số dư tài khoản đầu và cuối kỳ, tóm tắt dòng tiền và cho biết giá trị ký quỹ vào cuối kỳ báo cáo.

Nộp/ Rút	Số tiền nộp vào, rút ra khỏi tài khoản trong kỳ báo cáo
Tổng Phí Và Thuế	Tổng phí giao dịch và thuế phải trả
Số Dư Cuối Kỳ	Số dư tiền cuối kỳ báo cáo
Lời/ Lỗ Đã Hiện Thực	Lời hoặc lỗ đã hiện thực của các vị thế đã đóng trong kỳ báo cáo
Lời/ Lỗ Tạm Tính	Là giá trị lời hoặc lỗ tạm tính của các vị thế mở tính theo giá thanh toán hiện tại
Số Dư Ký Quỹ	Là số dư ký quỹ tính tại ngày giao dịch cuối của kỳ báo cáo, đã bao gồm các khoản Lời/ Lỗ Đã Hiện Thực và Lời/Lỗ Tạm Tính trong kỳ
Mức Ký Quỹ Ban Đầu	Số tiền yêu cầu ký quỹ đối với vị thế đang nắm giữ $IM = Tỷ\ lệ\ IM \times Số\ hợp\ đồng\ mở \times Giá\ TT\ cuối\ ngày \times 100,000$ Tỷ lệ IM được HSC quy định theo từng thời kỳ
Mức Ký Quỹ Duy Trì	Số tiền ký quỹ cần phải duy trì tối thiểu đối với số vị thế đang nắm giữ
Phần Ký Quỹ Còn Dư / Phần Ký Quỹ Còn Thiếu	Giá trị này sẽ là Phần Ký Quỹ Còn Dư nếu Số Dư Ký Quỹ lớn hơn Mức Ký Quỹ Ban Đầu, ngược lại giá trị này sẽ là Phần Ký Quỹ Còn Thiếu nếu Số Dư Ký Quỹ nhỏ hơn Mức Ký Quỹ Ban Đầu. $Phần\ Ký\ Quỹ\ Còn\ Dư/ Phần\ Ký\ Quỹ\ Còn\ Thiếu = Số\ Dư\ Ký\ Quỹ - Mức\ Ký\ Quỹ\ Ban\ Đầu $

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

► THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỤ SỞ CHÍNH – TP.HCM

📍 Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1

☎ +84-28 3823 3299

PHÒNG GIAO DỊCH THÁI VĂN LUNG

📍 Tầng 1, Cao ốc Capital Place, 6 Thái Văn Lung, Quận 1

☎ +84-28 3823 2981

PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO

📍 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Quận 1

☎ +84-28 3836 4189

PHÒNG GIAO DỊCH CHỢ LỚN

📍 633 Nguyễn Trãi, Quận 5

☎ +84-28 3855 2907

PHÒNG GIAO DỊCH NGUYỄN VĂN TRỖI

📍 Tầng Trệt, Tòa nhà Centre Point, Quận Phú Nhuận

☎ +84-28 3997 2836

► HÀ NỘI

CHI NHÁNH HÀ NỘI

📍 Tầng 2, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

☎ +84-24 3933 4693

PHÒNG GIAO DỊCH HOÀN KIẾM 1&2

📍 Tầng 4&5, Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm

☎ +84-24 3941 6240

PHÒNG GIAO DỊCH VCCI

📍 Tầng 18, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa

☎ +84-24 3574 5599

PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ 1&2

📍 Tầng 6, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

☎ +84-24 3776 7100



www.hsc.com.vn